

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 19-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Coóng

Ông Đàm Danh Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19-3-2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 26-01-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 05-3-2024 đối với các bị cáo:

1. Triệu Minh T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 tại xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm V, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Chấn Q (đã chết) và bà Triệu Mùi N, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Minh O (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 28 tháng 7 năm 1994 tại xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm V, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Chấn Q (đã chết) và bà Triệu Mùi N, sinh năm 1976; vợ: Triệu Mùi C, sinh năm 1994; con: 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Đặng Tồn S (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01 tháng 3 năm 2000 tại xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Phụ C1, sinh năm 1979 và bà

Đặng Mùi C2, sinh năm 1977; vợ: Triệu Mùi L, sinh năm 1999; con: 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Tòn C3 (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 13 tháng 9 năm 1994 tại xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quỳ C4, sinh năm 1969 và bà Đặng Mùi T1 (đã chết); vợ: Triệu Mùi M, sinh năm 1997; con: 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Lục Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ủy ban nhân dân huyện H – Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân T2 – Chủ tịch UBND huyện H, **vắng mặt;**

2. Ông Trương Văn L1, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm V, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng, **vắng mặt;**

3. Bà Tô Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng, **có mặt.**

- *Người phiên dịch tiếng Dao:* Bà Đặng Thị L2, **sinh năm 1982;** địa chỉ: P huyện H, tỉnh Cao Bằng, **có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích để làm nhà riêng cho mình, Triệu Minh T đã bàn bạc với anh trai là Triệu Minh O, cùng trú tại xóm V, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng khai thác gỗ ở khu vực rừng gần nơi ở để làm vật liệu xây dựng nhà riêng cho mình. T đã chuẩn bị đầy đủ các công cụ phục vụ cho việc khai thác gỗ bao gồm: máy cưa, dao, thước cuộn thép. Do T và O đều không biết sử dụng máy cưa nên đến ngày 05/6/2023, T dùng điện thoại liên lạc với 02 anh rể là Đặng Tòn C3 và Đặng Tòn S cùng trú tại xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng nhờ C3 và S giúp mình khai thác gỗ. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/6/2023 đến 24/7/2023, T, O, C3, S đã cùng nhau đi đến khu vực rừng để thực hiện hành vi khai thác lâm sản trái phép. T và O thay phiên nhau sử dụng 01 (một) con dao quắm, có chất liệu bằng kim loại để phát quang cây, tạo đường đi, xác định các cây muốn khai thác, C3 và S thay phiên nhau sử dụng 01 (một) máy cưa cầm tay có ký hiệu "Husqvarma special 365" để cưa hạ các cây gỗ xuống. Sau khi đã cưa hạ được các cây, T dùng

con dao quắm chặt các cành cây nhỏ và dùng 01 thước cuộn thép màu vàng để đo xác định kích thước cây thành các hộp gỗ, lóng gỗ theo kích thước các cây. Chài và S thay phiên nhau sử dụng cưa máy cầm tay nêu trên để cưa, xẻ tạo thành các hộp, lóng, ván, cột gỗ. Sau khi cưa hạ, cắt, xẻ các cây gỗ xong, C3 và S quay trở về nhà riêng, còn T và O tự vận chuyển gỗ từ khu vực rừng đến gần đường bê tông liên xóm. T sử dụng xe máy biển kiểm soát 11F9-6907 vận chuyển các hộp, cột gỗ đến tập kết tại khu vực nhà riêng tại xóm V, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Từ ngày 06/6/2023 đến ngày 24/7/2023, nhóm T, O, C3, S tiếp tục thực hiện hành vi với phương thức như trên, sau mỗi ngày khai thác lại nghỉ khoảng 2 – 3 ngày. Đến ngày 24/7/2023 thì dừng lại. Tổng cộng số cây gỗ đã khai thác là 23 cây, 01 cây vẫn còn nguyên chưa cắt xẻ, 22 cây đã cưa, xẻ thành các hộp gỗ (thanh gỗ xẻ), lóng gỗ và vận chuyển, tập kết tại khu vực nhà riêng của T được 20 thanh gỗ xẻ. Sau đó dừng khai thác.

Ngày 26/9/2023, trong quá trình công tác ngoài thực địa, cán bộ địa chính thuộc Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H đã phát hiện hành vi khai thác gỗ trái phép và đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H. Quá trình xác minh ban đầu, xác định có 16 cây gỗ thông thường thuộc địa giới hành chính của xóm V, xã Y, huyện H. Ngoài ra, tại khu vực giáp ranh địa giới hành chính giữa hai huyện H và Bảo L3 có thêm 07 cây gỗ thuộc địa giới hành chính xóm M, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng cũng bị khai thác trái phép. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thông báo đến Hạt kiểm lâm huyện B về sự việc. Sau khi tiến hành xác minh sơ bộ, xác định 07 cây gỗ bị khai thác tại xóm M, xã H đều do các đối tượng T, O, C3, S thực hiện đồng thời với hành vi khai thác gỗ tại xóm V, xã Y với mục đích để làm nhà cho Triệu Minh T, Hạt Kiểm lâm huyện B đã ban hành Công văn số 15/HKL-PC ngày 10/10/2023 chuyển toàn bộ tài liệu liên quan đến 07 cây gỗ bị khai thác trái phép nêu trên đến cơ quan Cảnh sát điều tra huyện H để điều tra làm rõ.

Trong quá trình điều tra, ngày 29/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định vị trí các cây gỗ bị khai thác trái phép tại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc xóm V, xã Y, huyện H. Đến ngày 18/10/2023, tiến hành xác định vị trí 07 cây gỗ bị khai thác trái phép tại hiện trường thuộc địa giới hành chính khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên xóm M, xã H, huyện B. Quá trình điều tra xác định được có 16 cây gỗ bị khai thác trái phép tại vị trí thuộc lô C, khoảnh 1, tiểu khu A, thửa đất số 01 tờ bản đồ số 01 thuộc xóm Y, huyện H do cá nhân đại diện sử dụng, quản lý rừng là hộ gia đình ông Trương A T3 (sinh năm 1948), bà Sùng Thị S1 (sinh năm 1950) tại xóm V, xã Y, huyện H. Ông T3 và bà S1 đều đã chết, hiện gia đình chỉ còn 01 con đẻ là Trương Văn L1 (sinh năm 1973, trú tại: Xóm V, xã Y, huyện H) sử dụng và quản lý rừng. Các bị cáo đã cưa hạ, cắt xẻ 16 cây trên thành 58 lóng gỗ tròn (đã bao gồm

16 gốc cây), 27 hộp (thanh) gỗ xẻ (trong đó đã vận chuyển đến nhà Triệu Minh T 10 thanh) có tổng khối lượng 12,022m³ (đã quy tròn). 07 cây gỗ bị khai thác trái phép tại vị trí thuộc lô 23 khoảnh 6, tiểu khu E xóm M, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng hiện Ủy ban nhân dân xã H, huyện B quản lý chung. Các bị cáo đã cưa hạ cắt xẻ 6 cây thành 18 khúc (đã bao gồm 06 gốc cây) và 16 thanh gỗ xẻ, 01 cây chưa tiến hành cắt, xẻ và vận chuyển đến nhà Triệu Minh T 10 thanh gỗ xẻ, tổng khối lượng số gỗ đã khai thác 5,020m³ (đã quy tròn). Như vậy, từ ngày 06/6/2023 đến ngày 24/7/2023, các bị cáo đã khai thác trái phép tổng cộng 23 cây gỗ với tổng khối lượng gỗ là **17,042m³**.

Ngày 20/12/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H đã ban hành công văn gửi Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân huyện B – là các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được giao quản lý đối với các khu vực rừng phòng hộ bị khai thác gỗ trái phép đề nghị xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tại Công văn số 4189, ngày 26/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện H không có yêu cầu đề nghị về việc bồi thường thiệt hại. Tại Công văn số 08, ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị các bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật và sung công quỹ Nhà nước. Ông Trương Văn L1 là cá nhân đại diện sử dụng quản lý tại vị trí rừng các bị cáo khai thác trái phép gỗ tại xóm V, xã Y, huyện H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSHQ ngày 23/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng truy tố các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 đều thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 27/02/2024 xác định các bị cáo T, O, C3, S đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng mỗi người số tiền 631.750 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo các Biên lai thu tiền số 0002022, 0002023, 0002024 và 0002025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng. Đồng thời các bị cáo đều có Đơn xin miễn nộp tiền án phí.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Triệu Minh T từ 24 đến 28 tháng tù, nhưng cho được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 – 56 tháng.

- Áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 232; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 mỗi bị cáo từ 24 – 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 – 60 tháng:

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 2.527.000 đồng. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với yêu cầu bồi thường thiệt hại nêu trên. Tại phiên tòa, mỗi bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền 631.750 đồng (Trước đó, ngày 27/02/2024 các bị cáo đã tự nguyện nộp mỗi bị cáo số tiền 631.750 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Quảng để bồi thường). Bà D nhất trí và không đưa ra yêu cầu bồi thường thêm. Xét việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại nêu trên của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 48 BLHS, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự, không trái đạo đức xã hội, nên cân công nhận sự thỏa thuận này.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng cụ thể như sau:

- Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

+ 23 (hai mươi ba) cây gỗ thông thường đã bị cưa hạ, cắt xẻ thành các hộp gỗ (thanh gỗ xẻ) gỗ (khúc cây), trong đó có 01 cây còn nguyên, có tổng khối lượng **17,042m³**;

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) cưa máy cầm tay, có ký hiệu “Husqvarma special 365”, phần máy và lưỡi cưa tình trạng cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) con dao quắm có chất liệu bằng kim loại, có độ dài 47cm, phần tay cầm bằng kim loại có tra thêm cán gỗ, lưỡi dao cắt có độ dài 20cm, bản dao rộng 05 cm, dày 0,2 cm. Tình trạng dao cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thước đo cuộn thép, màu vàng. Tình trạng thước đo cũ, đã qua sử dụng.

- Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d, khoản 2, Điều 232 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau đây: Các bị cáo T, O, S và C3 đều có nhân thân tốt, đều là người dân tộc thiểu số sinh

sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp, chỉ có bị cáo T được đi học đến lớp 5, còn ba bị cáo O, C3 và S đều mù chữ nên thiếu sự hiểu biết và đều chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị phát hiện cũng như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn, hối cải, các bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T, O, S và C3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s và điểm b khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến bổ sung thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ và liên quan ông Trương Văn L1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai xác nhận bố mẹ Ông được Nhà nước giao đất rừng phòng hộ để quản lý, đến nay do bố mẹ ông đều đã chết nên Ông là người thừa kế quyền quản lý duy nhất của bố mẹ Ông, ông Trương Văn L1 không có yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi liên quan Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân huyện H là cơ quan chức năng đại diện Nhà nước được giao quản lý lâm sản (gỗ) trong khu vực rừng phòng hộ bị khai thác trái phép thuộc xóm V, xã Y, huyện H (tại lô C, khoảnh 1, tiểu khu A, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01), tổng khối lượng lâm sản (gỗ) bị khai thác trái phép: 12,022m³ gỗ loài thông thường, Ủy ban nhân dân huyện H không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Đề nghị xử lý vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Tô Thị D đại diện cho Người có quyền lợi liên quan Ủy ban nhân dân huyện B có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền là **2.527.000 đồng**, đề nghị sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo phải bồi thường **và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.**

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Tại phần tranh luận các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tranh luận, đối đáp. Các bị cáo đều không có ý kiến gì với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng của vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đủ căn cứ và cơ sở kết luận: Trong các ngày từ 06/6/2023 đến ngày 24/7/2023, Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 đã cùng nhau khai thác trái phép 23 cây gỗ thông thường bằng hình thức sử dụng máy cưa cầm tay để cưa hạ và cắt xẻ các cây gỗ thành nhiều hộp gỗ (thanh gỗ xẻ), lóng gỗ (khúc cây), đã vận chuyển về nhà cất giữ được 20 thanh gỗ xẻ trong đó có 16 cây thuộc rừng phòng hộ là rừng tự nhiên tại vị trí thuộc lô C, khoảnh 1, tiểu khu A, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 thuộc xóm V thai, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng có khối lượng 12,022m³, 07 cây thuộc rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc lô B, khoảnh 6, tiểu khu E thuộc xóm M, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng có khối lượng 5,020m³. Tổng khối lượng gỗ khai thác trái phép là 17,042m³. Đây là những chứng cứ xác định các bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” được quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự. Chứng cứ mà Viện kiểm sát đưa ra là đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hàng năm Nhà nước đều có chủ trương tuyên truyền, vận động đến từng địa phương thôn bản về việc toàn dân tham gia bảo vệ rừng, người dân đã được truyền đạt một số nội dung về công tác bảo vệ rừng, trách nhiệm bảo vệ rừng, quyền và nghĩa vụ của chủ rừng, của hộ gia đình, cá nhân; về công tác quản lý rừng, trách nhiệm của chủ hộ gia đình sinh sống, hoạt động ở trong rừng, ven rừng, chính sách của người tham gia bảo vệ rừng; về thủ tục hồ sơ khai thác lâm sản; các hành vi bị cấm và mức xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi chặt cây gỗ mà không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý, khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản của Nhà nước, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Mặc dù các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 đều sinh ra và lớn lên tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp và mù chữ nhưng các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm, đều đủ khả năng nhận thức và khi được các cơ quan Nhà nước tuyên truyền, đều biết được hành vi khai thác gỗ nếu không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật. Các bị cáo đều có nhân thân tốt và

không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả. Các bị cáo phạm tội lần đầu. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

[3] Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể mà mỗi bị cáo đều tự mình thực hiện hành vi theo khả năng của bản thân, Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn không có tổ chức.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến việc quản lý, khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương. **Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Nguyên nhân động cơ phạm tội xuất phát từ nhu cầu làm nhà của T, T là người chuẩn bị công cụ phương tiện để phá rừng do đó T phải chịu trách nhiệm lớn hơn các bị cáo khác tuy nhiên thời điểm phạm tội T chưa tròn 18 tuổi nên khi lượng hình cũng xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét đề nghị áp dụng pháp luật và ra mức hình phạt đối với các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.**

[5] Về hình phạt bổ sung

Các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 đều thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trương Văn L1 và Ủy ban nhân dân huyện H đều không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ủy ban nhân dân huyện B có yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật và đề nghị các bị cáo bồi thường để sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng của vụ án là 23 (hai mươi ba) cây gỗ thông thường đã bị cưa hạ, cắt xẻ thành các hộp gỗ (thanh gỗ xẻ), gỗ (khúc cây), trong đó có 01 cây còn nguyên, có tổng khối lượng **17,042m³** và 01 (một) cửa máy cầm tay, có ký hiệu “Husqvarma special 365”, phần máy và lưỡi cưa tình trạng cũ, đã qua sử dụng. Đây đều là những tang vật vẫn còn có giá trị sử dụng và đang được quản lý, bảo quản theo quy định của pháp luật do đó cần được tịch thu phát mại để sung vào công quỹ Nhà nước. **Trong tổng khối lượng gỗ 17,042m³ là đã bao gồm cả phần khối lượng của các gốc cây hiện vẫn đang còn lại trên rừng, do đó vật chứng thu giữ và cần xử lý sau khi trừ đi khối lượng của các gốc cây còn lại là 16,097m³ là các** hộp gỗ (thanh gỗ xẻ), gỗ (khúc cây), cần được tịch thu phát mại xung vào công quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là 01 (một) con dao quắm có chất liệu bằng kim loại, có độ dài 47cm, phần tay cầm bằng kim loại có tra thêm cán gỗ, lưỡi dao cắt có độ dài 20cm, bản dao rộng 05cm, dày 0,2cm. Tình trạng dao cũ, đã qua sử dụng và 01 (một) thước đo cuộn thép, màu vàng. Đây đều là những công cụ phục vụ cho việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo và là những chứng cứ của vụ án, tuy nhiên không còn giá trị sử dụng nên cần được tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Do gia đình các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 thuộc hộ nghèo và các bị cáo đã có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ vào điểm d, khoản 2, Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Căn cứ vào điểm d, khoản 2, Điều 232; **điểm b, s** khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt Bị cáo Triệu Minh T 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm d, khoản 2, Điều 232; **điểm b, s** khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt Bị cáo Triệu Minh O 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt Bị cáo Đặng Tồn S 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt Bị cáo Đặng Tồn C3 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Đặng Tồn S, Đặng Tồn C3 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 phải liên đới bồi thường số tiền 2.527.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước đối với hành vi chặt hạ 07 cây gỗ thuộc nhóm gỗ tự nhiên tại xóm M, xã H, huyện B có tổng khối lượng 5,020m³ dựa trên Kết luận định giá tài sản số 302/KL-HĐĐG ngày 19/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện H và theo yêu cầu bồi thường thiệt hại của Ủy ban nhân dân huyện B. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 631.750đ nhưng được trừ đi số tiền 631.750 đồng mà mỗi bị cáo

đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng theo các biên lai ngày 27/02/2024.

Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Văn L1 và Ủy ban nhân dân huyện H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết bồi thường về trách nhiệm dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

+ 23 (hai mươi ba) cây gỗ thông thường đã bị cưa hạ, cắt xẻ thành các hộp gỗ (thanh gỗ xẻ) gỗ (khúc cây), trong đó có 01 cây còn nguyên, **có tổng khối lượng 16,097m³** là **các** hộp gỗ (thanh gỗ xẻ), gỗ (khúc cây) đã trừ đi khối lượng của các gốc cây còn lại tại hiện trường;

+ 01 (một) cửa máy cầm tay, có ký hiệu “Husqvarma special 365”, phần máy và lưỡi cửa tình trạng cũ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) con dao quắm có chất liệu bằng kim loại, có độ dài 47cm, phần tay cầm bằng kim loại có tra thêm cán gỗ, lưỡi dao cắt có độ dài 20cm, bản dao rộng 05cm, dày 0,2cm. Tình trạng dao cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thước đo cuộn thép, màu vàng. Tình trạng thước đo cũ, đã qua sử dụng.

Xác nhận: Toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hà Quảng tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/01/2024.

4. Về án phí:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLVN liên quan đến vụ án;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hà Quảng;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Hà Quảng;
- Cơ quan THAHS Công an H. Hà Quảng;
- Chi cục THADS huyện Hà Quảng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng;
- UBND xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc
- Lưu: HS; THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Hà Nam

Xác nhận: Toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hà Quảng tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/01/2024.

4. Về án phí:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Triệu Minh T, Triệu Minh O, Đặng Tồn S và Đặng Tồn C3 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Văn Coóng Đàm Danh Tuyên

Nông Hà Nam